

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 4 - 2022
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Hữu Tấn
- Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 512/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 09/2022/QĐST-DS ngày 16/3/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp Mỹ Khánh 2, xã M H H, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (có mặt);

- *Bị đơn:* Ông Trần Quốc V1, sinh năm: 1986; Địa chỉ: ấp Mỹ Khánh 2, xã M H H, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản trình bày ý kiến ngày 22 tháng 02 năm 2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T1 và ông V1 do tự quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2014, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M H H thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyển số 1/2014, ký ngày 19/5/2014, đây là hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, ông V1 không lo làm ăn phụ giúp kinh tế gia đình mà thường xuyên say xỉn. Do mục đích hôn nhân không đạt, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên bà T1 yêu cầu ly hôn với ông V1.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Nguyễn Mỹ Ngọc, sinh ngày: 12/01/2015. Hiện tại cháu Ngọc đang sống cùng bà T1.

Tại đơn khởi kiện và các phiên hòa giải, bà T1 yêu cầu giao con cho ông V1 nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Đến ngày 22/02/2022, tại biên bản ghi ý kiến, bà T1 thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông V1 cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành.

Tại phiên tòa, bà T1 xác định yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc và yêu cầu ông V1 cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Quốc V1 không có văn bản trình bày ý kiến, không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; cũng như không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và còn phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn là có cơ sở theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận; Về con chung: có 01 con chung tên Trần Nguyễn Mỹ Ngọc, sinh ngày: 12/01/2015, hiện nay cháu Ngọc đang sống cùng bà T1. Sau khi ly hôn, bà T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Ngọc. Để đảm bảo ổn định về tinh thần cũng như đảm bảo về quyền lợi

về mọi mặt cho con chung nên đề nghị chấp nhận cho nguyên đơn được nuôi con chung theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa bà T1 yêu cầu ông V1 cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Xét thấy, mức cấp dưỡng trên là phù hợp quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; về nợ chung, do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Cẩm T1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Quốc V1. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Tại biên bản xác minh tình trạng cư trú ngày 23/12/2021, Công an xã M H H, thành phố Long Xuyên xác nhận: Đương sự Trần Quốc V1, sinh năm 1986, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Mỹ Khánh 2, xã M H H, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn hợp lệ nhưng bị đơn đã từ chối các quyền, cũng như không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn ông Trần Quốc V1 mặc dù được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng ông V1 vẫn không tham dự phiên tòa. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T1 và ông Trần Quốc V1 xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Khi vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, ông V1 không lo làm ăn phụ giúp kinh tế gia đình mà thường xuyên say xỉn. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T1 xác định không còn tình cảm với ông V1, giữa vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà T1 cương quyết yêu cầu ly hôn, ông V1 cũng không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T1.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, bà T1 xác định không thể tiếp tục chung sống cùng với ông V1, hôn nhân không hạnh phúc,

mục đích hôn nhân không đạt được, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ cũng như không cố gắng hàn gắn, duy trì cuộc sống hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T1 là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: có 01 con chung, tên Trần Nguyễn Mỹ Ngọc, sinh ngày: 12/01/2015, hiện cháu Ngọc đang sống cùng bà T1. Sau khi ly hôn, bà T1 yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ngọc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T1 trình bày từ sau khi bà và ông V1 ly thân thì cháu Ngọc ở cùng ông V1. Nhưng hiện nay ông V1 đi làm ăn xa tại tỉnh Bình Dương nên không có điều kiện và thời gian chăm sóc cháu Ngọc nên bà T1 đã mang con về trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 11/2021 cho đến nay. Hiện cháu đã sống ổn định cùng bà T1, mặc dù cháu Ngọc có nguyện vọng được sống với ông V1 nhưng quá trình chung sống với bà T1 thì cháu cũng được chăm sóc tốt, môi trường học tập và sinh hoạt của cháu đã ổn định. Tại biên bản xác minh ngày 29/3/2022 tại văn phòng ấp Mỹ Khánh 2, xã M H H, thành phố Long Xuyên thì cháu Ngọc vẫn phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, kết quả học tập đạt, bà T1 cũng không có hành vi đánh đập hoặc ngược đãi cháu Ngọc.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án thì ông V1 không có văn bản trình bày ý kiến phản đối về việc tiếp tục nuôi con chung. Đồng thời, ông V1 cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh bà T1 không đủ điều kiện cũng như không hoàn thành nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Cháu Ngọc do bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng đã ổn định về chỗ ở, điều kiện sinh hoạt và môi trường học tập. Để tránh sự xáo trộn về tâm lý cũng như thay đổi điều kiện môi trường sống đột ngột và đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu Ngọc, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận giao cháu Ngọc cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Theo quy định pháp luật, sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 (một phần hai) mức lương cơ sở do Nhà nước quy định đối với một người con chưa thành niên. Tại phiên tòa, bà T1 yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Trần Nguyễn Mỹ Ngọc, sinh ngày: 12/01/2015 là 750.000 đồng/tháng cho đến khi trưởng thành là phù hợp quy định pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông Trần Quốc V1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Nguyễn Mỹ Ngọc, sinh ngày: 12/01/2015 số tiền là 750.000 đồng/tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ngọc đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống bản thân, trừ trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng được các bên thực hiện tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền. Khi có lý do chính đáng, mức cấp

dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: ghi nhận ý kiến của bà T1 trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ông V1 không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết. Tuy nhiên, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh có nợ chung trong thời gian chung sống như vợ chồng thì bà T1, ông V1 phải liên đới trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[8] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm T1 phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Quốc V1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 186; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84; Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T1.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Cẩm T1 với ông Trần Quốc V1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 74 do Ủy ban nhân dân xã M H H, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Cẩm T1 với ông Trần Quốc V1 ngày 19/5/2014 hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung tên Trần Nguyễn Mỹ Ngọc, sinh ngày: 12/01/2015.

Ông Trần Quốc V1 không trực tiếp nuôi con chung nhưng ông có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông V1 thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Quốc V1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Nguyễn Mỹ Ngọc mỗi tháng 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ngọc trưởng thành, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống bản thân, trừ trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng được các bên thực hiện tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về tài sản chung: không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: ghi nhận bà Nguyễn Thị Cẩm T1 xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà Nguyễn Thị Cẩm T1 và ông Trần Quốc V1 vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Cẩm T1 phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000763 ngày 14 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên. Bà T1 đã nộp đủ tiền án phí.

Ông Trần Quốc V1 phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về quyền kháng cáo:

Bà T1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Ông V1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TP.Long Xuyên;
- UBND xã M H H, TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- VP (5)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Dung

